

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG
VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01 – CTQ)	6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02 – CTQ)	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03 – CTQ)	10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu (Mẫu số B05 – CTQ)	11
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09 – CTQ)	12

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép thành lập và hoạt động

Số 50/UBCK-GP ngày 26 tháng 10 năm 2010 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và điều chỉnh gần nhất số 33/GPĐC-UBCK được cấp ngày 3 tháng 3 năm 2026.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0105059466 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 26 tháng 10 năm 2010. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ 17) được cấp ngày 12 tháng 3 năm 2026.

Hội đồng Thành viên

Bà Bùi Thu Trang	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 18/7/2025)
Ông Lê Duy Hải	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 18/7/2025)
Ông Đoàn Ngọc Đoàn	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Đức	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/1/2025 miễn nhiệm ngày 1/10/2025 bổ nhiệm lại ngày 1/1/2026)
Ông Khổng Phan Đức	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/1/2025)
Bà Phan Hải Sâm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 1/10/2025 miễn nhiệm ngày 1/1/2026)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 15/11/2025)
Ông Trần Đình Phúc	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 15/11/2025)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hồng Đức	Quyền Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15/1/2025 miễn nhiệm ngày 1/10/2025)
	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1/1/2026)
	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1/10/2025 miễn nhiệm ngày 1/1/2026)
Bà Phan Hải Sâm	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1/10/2025 miễn nhiệm ngày 1/1/2026)
	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1/10/2025 bổ nhiệm lại ngày 1/1/2026)
Ông Khổng Phan Đức	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15/1/2025)

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG
VIỆT NAM**

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

**Người đại diện theo
pháp luật**

Bà Bùi Thu Trang

Ông Lê Duy Hải

Chủ tịch Hội đồng Thành viên
(bổ nhiệm ngày 18/7/2025)

Chủ tịch Hội đồng Thành viên
(miễn nhiệm ngày 18/7/2025)

Trụ sở chính

Tầng 2, Tòa nhà 304 và 306 Bà Triệu, Phường Hai Bà Trưng,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày từ Thuyết minh 2 đến Thuyết minh 4 của báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho Bà Phan Hải Sâm - Phó Tổng Giám đốc của Công ty để phê duyệt và ký báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Thư Ủy quyền số 03/GUQ-QLQ-TCHC ngày 5 tháng 1 năm 2026.

Phê chuẩn báo cáo tài chính

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 6 đến trang 41. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty quản lý quỹ hoạt động tại Việt Nam.



Phan Hải Sâm
Phó Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền

Thành phố Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2026

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
GỬI HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CỦA CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2025, và được Phó Tổng Giám đốc của Công ty (theo ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật của Công ty) phê chuẩn ngày 26 tháng 3 năm 2026. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 6 đến trang 41.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty quản lý quỹ hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty quản lý quỹ hoạt động tại Việt Nam.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và báo cáo của họ được phát hành ngày 24 tháng 3 năm 2025 đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Đỗ Đức Hậu
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2591-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền



Nguyễn Văn Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
5082-2024-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 4380
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		219.100.619.440	221.920.618.503
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	5.1	17.571.749.031	11.620.271.216
111	Tiền		3.571.749.031	6.620.271.216
112	Các khoản tương đương tiền		14.000.000.000	5.000.000.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5.2(a)	197.133.291.352	207.585.235.435
121	Đầu tư ngắn hạn		211.798.863.552	222.425.094.202
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(14.665.572.200)	(14.839.858.767)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		3.867.873.141	2.455.711.064
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		75.000.000	-
134	Phải thu hoạt động nghiệp vụ	5.3	413.201.674	347.567.653
135	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.4	3.494.696.122	2.228.463.958
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.5	(115.024.655)	(120.320.547)
150	Tài sản ngắn hạn khác		527.705.916	259.400.788
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	5.6	502.705.916	259.400.788
158	Tài sản ngắn hạn khác		25.000.000	-
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		211.553.372.367	204.363.143.097
220	Tài sản cố định		6.754.667	157.099.624
221	Tài sản cố định hữu hình	5.7(a)	6.754.667	13.954.463
222	Nguyên giá		2.406.174.700	5.923.234.700
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.399.420.033)	(5.909.280.237)
227	Tài sản cố định vô hình	5.7(b)	-	143.145.161
228	Nguyên giá		808.708.000	808.708.000
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(808.708.000)	(665.562.839)
250	Đầu tư tài chính dài hạn	5.2(b)	211.500.000.000	204.165.294.131
258	Đầu tư dài hạn khác		211.500.000.000	211.500.000.000
259	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	(7.334.705.869)
260	Tài sản dài hạn khác		46.617.700	40.749.342
261	Chi phí trả trước dài hạn		21.617.700	25.749.342
268	Tài sản dài hạn khác		25.000.000	15.000.000
270	TỔNG TÀI SẢN		430.653.991.807	426.283.761.600

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 41 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(TIẾP THEO)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		4.786.271.122	5.326.399.577
310	Nợ ngắn hạn		4.786.271.122	5.326.399.577
312	Phải trả người bán ngắn hạn		-	110.670.300
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.8	288.755.387	1.759.521.628
315	Phải trả người lao động	5.9	2.254.483.111	1.521.252.168
316	Chi phí phải trả ngắn hạn	5.10	607.740.740	556.000.000
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		32.177.744	179.483.912
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.11	1.603.114.140	1.199.471.569
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		425.867.720.685	420.957.362.023
410	Vốn chủ sở hữu		425.867.720.685	420.957.362.023
411	Vốn góp của chủ sở hữu	5.12, 5.13	300.000.000.000	300.000.000.000
418	Quỹ dự phòng tài chính	5.13	30.691.810.009	30.691.810.009
419	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.13	23.862.826.083	23.862.826.083
420	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	5.13	71.313.084.593	66.402.725.931
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		64.604.413.360	56.544.567.334
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		6.708.671.233	9.858.158.597
440	TỔNG NGUỒN VỐN		430.653.991.807	426.283.761.600

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 41 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(TIẾP THEO)**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
006	Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		83.277.396.000	83.255.776.000
007	Trong đó: Chứng khoán giao dịch		83.277.396.000	83.255.776.000
020	Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ		307.300.000.000	317.300.000.000
030	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	5.14(a)	3.471.145.361	1.447.031.242
031	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		3.463.688.775	1.443.924.646
032	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		7.456.586	3.106.596
040	Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	5.14(b)	1.133.357.728.843	2.249.064.908.343
041	Nhà đầu tư ủy thác trong nước		1.129.767.728.843	2.245.470.658.843
042	Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		3.590.000.000	3.594.249.500
051	Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	5.14(c)	2.754.337.662	726.360.128

Nguyễn Thị Diệu Quỳnh
Người lập

Trần Mạnh Tiến
Phụ trách kế toán



Phan Hải Sâm
Phó Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 26 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2025 VND	2024 VND
01	Doanh thu		4.806.363.574	3.657.856.463
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	6.1	4.806.363.574	3.657.856.463
11	Chi phí hoạt động kinh doanh	6.2	4.582.281.335	5.285.196.437
20	Lợi nhuận/(lỗ) gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)		224.082.239	(1.627.339.974)
21	Doanh thu hoạt động tài chính	6.3	8.991.489.194	9.735.703.432
22	Chi phí tài chính	6.4	(7.489.156.093)	(14.284.006.947)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.5	9.029.073.164	8.609.757.728
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25)		7.675.654.362	13.782.612.677
31	Thu nhập khác		807.272.727	-
32	Chi phí khác		-	172.516.779
40	Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)		807.272.727	(172.516.779)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		8.482.927.089	13.610.095.898
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	6.6	(1.774.255.856)	(2.969.193.107)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	6.6	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		6.708.671.233	10.640.902.791

Nguyễn Thị Diệu Quỳnh
Người lập

Trần Mạnh Tiến
Phụ trách kế toán

Phan Hải Sâm
Phó Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 26 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 41 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	8.482.927.089	13.610.095.898
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	150.344.957	157.199.796
03	Các khoản dự phòng	(7.514.288.328)	(14.512.496.446)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(2.866.009.742)	(924.273.571)
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	(1.747.026.024)	(1.669.474.323)
09	Tăng các khoản phải thu	(1.006.981.039)	(1.850.182.892)
11	Giảm các khoản phải trả	521.095.865	386.546.043
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(239.173.486)	114.638.069
13	Giảm/(tăng) chứng khoán kinh doanh	59.642.019.496	(3.869.205.458)
14	Thuế TNDN đã nộp	(3.239.122.747)	(1.656.386.987)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	42.232.860
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(1.394.670.000)	(799.600.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	52.536.142.065	(9.301.432.688)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	807.272.727	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(113.865.103.900)	(12.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	64.849.315.054	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.623.851.869	725.500.969
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(46.584.664.250)	(11.274.499.031)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	5.951.477.815	(20.575.931.719)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	11.620.271.216	32.196.202.935
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	17.571.749.031	11.620.271.216

Nguyễn Thị Diệu Quỳnh
Người lập

Trần Mạnh Tiến
Phụ trách kế toán



Phạm Hải Sâm
Phó Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 26 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 41 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

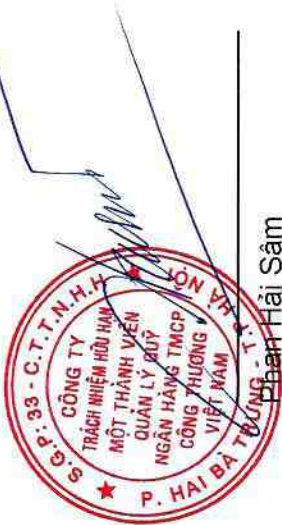
Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày		Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025		Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024		Tại ngày	
		1.1.2025	1.1.2024	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	31.12.2025	31.12.2024
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	5.12	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	5.13	30.691.810.009	30.691.810.009	-	-	-	-	30.691.810.009	30.691.810.009
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.13	23.862.826.083	23.862.826.083	-	-	-	-	23.862.826.083	23.862.826.083
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5.13	66.402.725.931	56.544.567.334	6.708.671.233	(1.798.312.571)	10.659.135.651	(800.977.054)	71.313.084.593	66.402.725.931
		420.957.362.023	411.099.203.426	6.708.671.233	(1.798.312.571)	10.659.135.651	(800.977.054)	425.867.720.685	420.957.362.023



Nguyễn Thị Diệu Quỳnh
Người lập



Trần Mạnh Tiến
Phụ trách kế toán




Phan Hải Sâm
Phó Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 26 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 41 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 50/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam (“UBCKNN”) cấp ngày 26 tháng 10 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105059466 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 26 tháng 10 năm 2010. Giấy phép thành lập và hoạt động điều chỉnh gần nhất số 33/GPĐC-UBCK được cấp ngày 3 tháng 3 năm 2026. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ 17) được cấp ngày 12 tháng 3 năm 2026.

Chủ sở hữu của Công ty là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, một ngân hàng được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam (Thuyết minh 5.12).

Hoạt động chính của Công ty là lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 25 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 25 nhân viên).

Trình bày về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính:

Số liệu so sánh trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

2 NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty quản lý quỹ hoạt động tại Việt Nam theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

3.2 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác gửi tại ngân hàng thanh toán trên cơ sở hợp đồng ủy thác đầu tư được ký kết giữa nhà đầu tư ủy thác và Công ty quản lý Quỹ để Công ty quản lý Quỹ thực hiện đầu tư cho nhà đầu tư ủy thác được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán.

4.2 Đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán do Công ty nắm giữ cho mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường của các khoản chứng khoán kinh doanh này. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh;
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.2 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi với mục đích thu lãi hàng kỳ. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn.

Trường hợp khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của doanh nghiệp có phát sinh chiết khấu (giá phát hành trái phiếu nhỏ hơn mệnh giá của trái phiếu) hoặc phụ trội (giá phát hành trái phiếu lớn hơn mệnh giá của trái phiếu) thì khoản chiết khấu, phụ trội đó được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực phù hợp với kỳ hạn của khoản đầu tư.

Tuy nhiên, nếu phần phụ trội của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phân bổ hàng kỳ lớn hơn phần lãi theo lãi suất danh nghĩa hàng kỳ của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (nếu có) thì phần chênh lệch này được hạch toán vào chi phí tài chính.

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.2 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

(d) Căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý

Công ty áp dụng nguyên tắc định giá tài sản tài chính theo Thông tư 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 4 năm 2022, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

4.3 Các khoản phải thu và phải thu hoạt động nghiệp vụ

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch cung cấp dịch vụ; các khoản phải thu các quỹ đầu tư và nhà đầu tư mang tính chất thương mại phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ của một công ty quản lý quỹ và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch cung cấp dịch vụ và các hoạt động nghiệp vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm tài chính. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán.

4.4 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian sử dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	20% - 33,33%/năm
Phương tiện vận tải	16,67%/năm
Phần mềm máy tính	33,33%/năm

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.4 Tài sản cố định (“TSCĐ”) (tiếp theo)

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.5 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; chi phí thuê văn phòng hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; chi phí sửa chữa văn phòng hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

4.7 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, cung cấp dịch vụ;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa, và cung cấp dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

4.8 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

4.9 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.9 Các khoản dự phòng (tiếp theo)

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phải trả phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng phải trả đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi hoặc lỗ) sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

4.11 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của năm tài chính mà việc phân chia lợi nhuận được thông qua bởi chủ sở hữu.

LNST TNDN có thể được chia sau khi được chủ sở hữu phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ như sau:

(a) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được phê duyệt bởi chủ sở hữu. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán. Quỹ được sử dụng để khen thưởng, cải thiện và nâng cao đời sống người lao động.

(b) Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Theo thông tư 114/2021/TT-BTC do Bộ Tài chính ban ngày 17 tháng 12 năm 2021:

- Chế độ tài chính đối với công ty quản lý quỹ theo Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 được bãi bỏ toàn bộ.
- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ theo Luật Chứng khoán 2019, các văn bản hướng dẫn và Điều lệ hoạt động của Công ty.
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của chủ sở hữu, Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn, và Điều lệ hoạt động của Công ty, đảm bảo đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật chứng khoán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.12 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu hoạt động nghiệp vụ và cung cấp dịch vụ khác

Doanh thu hoạt động nghiệp vụ bao gồm doanh thu phát sinh trong năm tài chính từ hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư chứng khoán.

Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán là khoản thu về phí mà Công ty được hưởng từ hoạt động quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán. Phí này được tính hàng tháng dựa trên giá trị tài sản ròng của mỗi quỹ vào ngày cuối tháng.

Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán là khoản phí mà Công ty được hưởng từ việc quản lý danh mục đầu tư chứng khoán cho nhà đầu tư ủy thác. Phí này được tính hàng tháng dựa trên giá trị tài sản ròng của mỗi danh mục đầu tư chứng khoán vào ngày định giá giá trị tài sản ròng hàng tháng.

Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư là khoản phí Công ty được hưởng từ việc tư vấn đầu tư cho khách hàng. Doanh thu này được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỷ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm các khoản giảm giá dịch vụ đã cung cấp. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ cung cấp dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm tài chính phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau ngày báo cáo nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm báo cáo.

(b) Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.12 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(c) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

4.13 Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn dịch vụ

Chi phí hoạt động kinh doanh và giá vốn dịch vụ cung cấp được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Chi phí hoạt động kinh doanh là các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến hoạt động nghiệp vụ của Công ty hoặc những khoản chi phí khác của hoạt động nghiệp vụ mà Công ty có trách nhiệm phải chi trả trong năm tài chính, chủ yếu bao gồm chi phí nhân viên, chi phí khấu hao, chi phí vật tư, đồ dùng, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí quản lý khác.

Chi phí hoạt động nghiệp vụ của Công ty được phân loại như sau: chi phí hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, chi phí hoạt động tư vấn và các chi phí khác cho hoạt động nghiệp vụ mà công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chi trả.

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, phí ngân hàng.

4.15 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

4.16 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay năm tài chính khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.16 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong năm tài chính mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

4.17 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả ngân hàng mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Thành viên, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4.18 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty quản lý quỹ hoạt động tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ phải trả và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 4.2);
- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 4.4); và
- Ước tính thuế TNDN (Thuyết minh 4.16).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.19 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số liệu được quy định trong Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số liệu bằng không.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Tiền mặt	105.106.049	26.780.587
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.466.642.982	6.593.490.629
Các khoản tương đương tiền (*)	14.000.000.000	5.000.000.000
	<u>17.571.749.031</u>	<u>11.620.271.216</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng với lãi suất 4,75%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 4,2%/năm).

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Ngắn hạn

	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
31.12.2025				
i. Cổ phiếu				
Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	45.415	6.085.267.230	3.451.540.000	2.633.727.230
Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam – CTCP	290.000	5.655.000.000	3.076.900.000	2.578.100.000
Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP	3.836.100	38.684.826.972	29.231.082.002	9.453.744.970
	4.171.515	50.425.094.202	35.759.522.002	14.665.572.200
ii. Đầu tư khác				
Chứng chỉ quỹ (*)	4.156.224,6	50.000.000.000	62.295.946.477	-
Chứng chỉ tiền gửi (**)	100	101.373.769.350	101.373.769.350	-
Tiền gửi có kỳ hạn (***)	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-
	4.156.324,6	161.373.769.350	173.669.715.827	-
Tổng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		211.798.863.552	209.429.237.829	14.665.572.200

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(a) Ngắn hạn (tiếp theo)

31.12.2024			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
i. Cổ phiếu			Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	43.253	6.085.267.230	2.971.481.100
Tổng Công ty Dầu Việt Nam – CTECP	290.000	5.655.000.000	3.421.033.333
Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTECP	3.836.100	38.684.826.972	29.192.721.002
	4.169.353	50.425.094.202	35.585.235.435
ii. Đầu tư khác			
Chứng chỉ quỹ (*)	4.156.224,6	50.000.000.000	59.090.749.190
Chứng chỉ tiền gửi (**)	110	110.000.000.000	110.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (***)	-	12.000.000.000	12.000.000.000
	4.156.334,6	172.000.000.000	181.090.749.190
Tổng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		222.425.094.202	216.675.984.625

(*) Chứng chỉ quỹ tại Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam.

(**) Bao gồm các chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng với lãi suất 7%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 6,4%/năm đến 6,7%/năm).

(***) Bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 7,8%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 6,2%/năm).

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(b) Dài hạn

31.12.2025					
	Tỷ lệ đầu tư (%)	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	5	11.580.000	120.000.000.000	120.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT	30	9.150.000	91.500.000.000	91.500.000.000	-
Đèo Cả – Khánh Hòa (*)		20.730.000	211.500.000.000	211.500.000.000	-

	Tỷ lệ đầu tư (%)	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	5	11.580.000	120.000.000.000	112.665.294.131	7.334.705.869
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả – Khánh Hòa (*)	30	9.150.000	91.500.000.000	91.500.000.000	-
		20.730.000	211.500.000.000	204.165.294.131	7.334.705.869

(*) Theo Thỏa thuận liên danh năm 2013, Công ty chiếm 50% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần đầu tư BOT Đèo Cả - Khánh Hòa, trong đó 20% giá trị vốn góp là Công ty đại diện đứng tên cho các nhà đầu tư ủy thác của Công ty. Công ty không tham gia đồng kiểm soát, không có khả năng và mục đích có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư. Do đó, khoản đầu tư này được trình bày là một khoản đầu tư khác trong báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

161.131.503 120.320.547

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Phí dịch vụ	79.286.188	59.638.196
Phí bảo hiểm	116.518.512	121.874.538
Phí bảo trì	134.132.674	41.833.332
Chi phí phần mềm	95.279.295	36.054.722
Công cụ, dụng cụ	77.489.247	-
	502.705.916	259.400.788

Biến động về chi phí trả trước ngắn hạn trong năm tài chính như sau:

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Số dư đầu năm	259.400.788	357.839.729
Tăng	740.087.865	395.250.025
Phân bổ trong năm	(496.782.737)	(493.688.966)
Số dư cuối năm	502.705.916	259.400.788

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.7 TSCĐ

(a) TSCĐ hữu hình

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	965.499.000	4.957.735.700	5.923.234.700
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.517.060.000)	(3.517.060.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	965.499.000	1.440.675.700	2.406.174.700
Giá trị khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	(951.544.537)	(4.957.735.700)	(5.909.280.237)
Khấu hao trong năm	(7.199.796)	-	(7.199.796)
Thanh lý, nhượng bán	-	3.517.060.000	3.517.060.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	(958.744.333)	(1.440.675.700)	(2.399.420.033)
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	13.954.463	-	13.954.463
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	6.754.667	-	6.754.667

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 2.370.175.700 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 5.887.235.700 Đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.7 TSCĐ (TIẾP THEO)

(b) TSCĐ vô hình

Phần mềm máy tính
VND

Nguyên giá

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 808.708.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 808.708.000

Giá trị khấu hao lũy kế

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 (665.562.839)

Khấu hao trong năm (143.145.161)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (808.708.000)

Giá trị còn lại

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 143.145.161

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 -

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 808.708.000 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 358.708.000 Đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.8 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2025 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại ngày 31.12.2025 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	7.436.700	92.832.461	(97.527.097)	2.742.064
Thuế TNDN	1.673.876.179	1.774.255.856	(3.239.122.747)	209.009.288
Thuế thu nhập cá nhân	78.208.749	579.528.295	(580.733.009)	77.004.035
Thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	<u>1.759.521.628</u>	<u>2.449.616.612</u>	<u>(3.920.382.853)</u>	<u>288.755.387</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.9 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm chi phí tiền lương phải trả người lao động.

5.10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Chi phí thù lao của Hội đồng Thành viên và Ban Kiểm soát	492.000.000	456.000.000
Khác	115.740.740	100.000.000
	<u>607.740.740</u>	<u>556.000.000</u>

5.11 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động về quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm tài chính như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	1.199.471.569	1.298.784.772
Tăng trong năm (Thuyết minh 5.13)	1.798.312.571	800.977.054
Được cấp từ Ngân hàng mẹ	-	24.000.000
Giảm trong năm	(1.394.670.000)	(924.290.257)
Số dư cuối năm	<u>1.603.114.140</u>	<u>1.199.471.569</u>

5.12 VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ		Vốn đã góp
	VND	%	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	<u>300.000.000.000</u>	<u>100</u>	<u>300.000.000.000</u>

Theo thay đổi gần nhất (lần thứ 17) của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105059466 ngày 12 tháng 3 năm 2026 và Giấy phép thành lập và hoạt động điều chỉnh gần nhất số 33/GPĐC-UBCK được cấp ngày 3 tháng 3 năm 2026, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 Đồng Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty đã được góp đủ bằng Đồng Việt Nam.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.13 TÍNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ dự phòng tài chính VND (*)	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND (*)	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	300.000.000.000	30.691.810.009	23.862.826.083	56.544.567.334	411.099.203.426
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 5.11)	-	-	-	(800.977.054)	(800.977.054)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	10.640.902.791	10.640.902.791
Khác	-	-	-	18.232.860	18.232.860
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	300.000.000.000	30.691.810.009	23.862.826.083	66.402.725.931	420.957.362.023
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 5.11)	-	-	-	(1.798.312.571)	(1.798.312.571)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	6.708.671.233	6.708.671.233
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	300.000.000.000	30.691.810.009	23.862.826.083	71.313.084.593	425.867.720.685

(*) Công ty chưa phân phối lại Quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu theo Thông tư 114/2021/TT-BTC đề ngày 17 tháng 12 năm 2021 do Bộ Tài chính ban hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.14 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(a) Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Nhà đầu tư ủy thác trong nước	3.463.688.775	1.443.924.646
Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	7.456.586	3.106.596
	<u>3.471.145.361</u>	<u>1.447.031.242</u>

Biến động về tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong năm tài chính như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	1.447.031.242	1.334.262.367
Số tăng trong năm	2.754.569.104.666	2.175.310.046.977
Số giảm trong năm	(2.752.544.990.547)	(2.175.197.278.102)
Số dư cuối năm	<u>3.471.145.361</u>	<u>1.447.031.242</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI
KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.14 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

(b) Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
(i) Nhà đầu tư ủy thác trong nước		
Cổ phiếu niêm yết	334.362.170.843	1.648.697.170.843
Cổ phiếu không niêm yết	575.405.558.000	576.773.488.000
Trái phiếu không niêm yết	220.000.000.000	20.000.000.000
	<u>1.129.767.728.843</u>	<u>2.245.470.658.843</u>
(ii) Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		
Trái phiếu không niêm yết	3.150.000.000	3.304.249.500
Đầu tư khác	440.000.000	290.000.000
	<u>3.590.000.000</u>	<u>3.594.249.500</u>

(c) Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Phí lưu ký, phí hồ sơ	545.938.580	726.360.128
Thuế thu nhập của nhà đầu tư được ủy thác	2.208.399.082	-
	<u>2.754.337.662</u>	<u>726.360.128</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 DOANH THU VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
Doanh thu về hoạt động kinh doanh		
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	681.118.193	617.725.791
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	4.125.245.381	2.940.130.672
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	-	100.000.000
	<u>4.806.363.574</u>	<u>3.657.856.463</u>
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		
Doanh thu thuần hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	681.118.193	617.725.791
Doanh thu thuần hoạt động quản lý danh mục đầu tư	4.125.245.381	2.940.130.672
Doanh thu thuần hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	-	100.000.000
	<u>4.806.363.574</u>	<u>3.657.856.463</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

6.2 GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
Chi phí hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	647.026.791	889.770.260
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	3.935.254.544	4.251.386.496
Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	-	144.039.681
	<u>4.582.281.335</u>	<u>5.285.196.437</u>

6.3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
Lãi tiền gửi	965.819.828	823.020.571
Lãi chứng chỉ tiền gửi	1.784.436.914	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	115.753.000	101.253.000
Lãi từ hoạt động mua bán cổ phiếu	-	738.026.708
Lãi từ hoạt động mua bán công cụ thị trường tiền tệ	6.125.479.452	8.073.403.153
	<u>8.991.489.194</u>	<u>9.735.703.432</u>

6.4 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
Chi phí mua bán công cụ thị trường tiền tệ	-	318.580.284
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(7.508.992.436)	(14.632.816.993)
Chi phí khác	19.836.343	30.229.762
	<u>(7.489.156.093)</u>	<u>(14.284.006.947)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

6.5 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	6.669.250.177	6.319.341.257
Chi phí dịch vụ mua ngoài	794.566.023	977.615.256
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.199.796	7.199.796
Chi phí khác	1.558.057.168	1.305.601.419
	<u>9.029.073.164</u>	<u>8.609.757.728</u>

6.6 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	8.482.927.089	13.610.095.898
Thuế tính ở thuế suất 20%	1.696.585.418	2.722.019.180
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	100.821.038	129.705.052
Thu nhập không chịu thuế	(23.150.600)	(20.250.600)
Dự phòng thiếu của năm trước	-	137.719.475
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>1.774.255.856</u>	<u>2.969.193.107</u>
Chi phí thu nhập thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	1.774.255.856	2.969.193.107
Thuế TNDN - hoãn lại	-	-
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>1.774.255.856</u>	<u>2.969.193.107</u>

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

7 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam	Quỹ do Công ty quản lý
Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietinbank	Công ty con của Ngân hàng mẹ
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty con của Ngân hàng mẹ
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Vàng bạc Đá quý Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	Công ty con của Ngân hàng mẹ
Ngân hàng Trách nhiệm Hữu hạn Indovina	Ngân hàng liên doanh của Ngân hàng mẹ
Các thành viên Hội đồng Thành viên, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm gồm:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
i) Doanh thu		
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam	681.118.193	617.725.791
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.095.890	-
	<u>682.214.083</u>	<u>617.725.791</u>
ii) Lãi tiền gửi		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	4.260.895	6.291.443
Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietinbank	447.997	834.207
	<u>4.708.892</u>	<u>7.125.650</u>
iii) Phí lưu ký chứng khoán và phí giao dịch		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietinbank	18.863.483	20.318.257

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

7 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2025 VND	2024 VND
iv)	<i>Phí chuyển tiền và phí duy trì tài khoản</i> Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	10.079.293	22.794.000
v)	<i>Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, điện nước</i> Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	9.545.222	274.033.345
vi)	<i>Chi phí mua bảo hiểm</i> Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	129.964.638	141.177.901
vii)	<i>Chi mua hàng hóa</i> Công ty TNHH MTV Kinh doanh Vàng bạc Đá quý Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	127.398.960	119.247.300
viii)	<i>Mua chứng chỉ tiền gửi</i> Ngân hàng Trách nhiệm Hữu hạn Indovina	103.865.103.900	88.167.286.530
ix)	<i>Bán chứng chỉ tiền gửi</i> Ngân hàng Trách nhiệm Hữu hạn Indovina	101.808.493.150	35.628.593.875

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

7 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

viii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt

		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2025 VND	2024 VND
Hội đồng Thành viên			
Bà Bùi Thu Trang	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 18/7/2025)	105.500.000	-
Ông Lê Duy Hải	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 18/7/2025)	125.500.000	218.000.000
Ông Đoàn Ngọc Đoàn	Thành viên	196.000.000	158.000.000
Ông Nguyễn Hồng Đức	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/1/2025 miễn nhiệm ngày 1/10/2025 bổ nhiệm lại ngày 1/1/2026)	Xem bên dưới	Xem bên dưới
Ông Khổng Phan Đức	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/1/2025)	Xem bên dưới	Xem bên dưới
Bà Phan Hải Sâm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 1/10/2025 miễn nhiệm ngày 1/1/2026)	Xem bên dưới	Xem bên dưới
Ban Kiểm soát			
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 15/11/2025)	9.000.000	-
Ông Trần Đình Phúc	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 15/11/2025)	65.000.000	74.000.000
Ban Tổng Giám đốc			
Ông Nguyễn Hồng Đức	Quyền Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15/1/2025 miễn nhiệm ngày 1/10/2025)		
	Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 1/1/2026)		
	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1/10/2025 miễn nhiệm ngày 1/1/2026)	827.842.402	-
Bà Phan Hải Sâm	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1/10/2025 miễn nhiệm ngày 1/1/2026)		
	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1/10/2025 bổ nhiệm lại ngày 1/1/2026)	890.308.562	835.427.965
Ông Khổng Phan Đức	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15/1/2025)	282.864.227	1.097.676.863
		<u>2.502.015.191</u>	<u>2.383.104.828</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

7 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
i) Tiền gửi không kỳ hạn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	2.493.325.439	4.411.560.016
Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietinbank	257.921.168	189.830.654
	<u>2.751.246.607</u>	<u>4.601.390.670</u>
ii) Tiền gửi của nhà đầu tư tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietinbank	30.217.951	30.171.297
Nhà đầu tư khác	346.168.408	376.278.807
	<u>376.386.359</u>	<u>406.450.104</u>
iii) Đầu tư ngắn hạn		
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công Thương Việt Nam	50.000.000.000	50.000.000.000
iv) Phải thu hoạt động nghiệp vụ (Thuyết minh 5.3)		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	59.674.734	54.604.192
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	1.095.890	-
	<u>60.770.624</u>	<u>54.604.192</u>
v) Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Vàng bạc Đá quý Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	-	96.228.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

8 CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Trong tương lai, Công ty phải trả ở mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

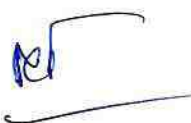
	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Thuê văn phòng		
Trong vòng 1 năm	900.240.000	-
Từ 1 năm đến 5 năm	1.800.480.000	-
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	2.700.720.000	-

9 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo tài chính cần điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính đã được được Phó Tổng Giám đốc của Công ty (theo ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật của Công ty) phê chuẩn ngày 26 tháng 3 năm 2026.


Nguyễn Thị Diệu Quỳnh
Người lập


Trần Mạnh Tiến
Phụ trách kế toán


Phan Hải Sâm
Phó Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền

